

Số: **71** /2010/QĐ-UBND

Biên Hoà, ngày **23** tháng **11** năm **2010**

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành quy định về tổ chức và hoạt động  
của Đội Dân phòng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị quyết số 184/2010/NQ-HĐND ngày 26 tháng 10 năm 2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai,

Xét đề nghị của Giám đốc Công an tỉnh Đồng Nai tại Tờ trình số 265/TTr-CAT-PV28 ngày 06/9/2010,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này quy định về tổ chức và hoạt động của Đội Dân phòng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Công an tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc các Sở, ngành có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ Công an, Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh uỷ, các Ban Đảng TU;
- TT. HĐND tỉnh, các Ban HĐND tỉnh;
- TT. UBND tỉnh, các đoàn thể;
- Chủ tịch, các PCT. UBND tỉnh;
- Các thành viên UBND tỉnh;
- Đài PT-TH Đồng Nai;
- Sở Tư pháp, TTCB;
- Lưu: VP.NC(QQ).



**Võ Văn Một**

**QUY ĐỊNH**

**Tổ chức và hoạt động của Đội Dân phòng  
trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 71/2010/QĐ-UBND  
ngày 23 tháng 11 năm 2010 của UBND tỉnh Đồng Nai)

**Chương I  
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1.** Quy định này quy định nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức và hoạt động của Đội Dân phòng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

**Điều 2.** Dân phòng là lực lượng quần chúng tự nguyện tham gia công tác bảo vệ và giữ gìn an ninh trật tự (ANTT) được thành lập ở các xã, do Trưởng Công an xã đề nghị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã quyết định.

**Điều 3.** Nhân sự Đội Dân phòng do Trưởng Công an xã tuyển chọn, thông qua MTTQ, các ban, ngành, đoàn thể xã thống nhất và đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã ra quyết định.

**Chương II  
TỔ CHỨC CỦA ĐỘI DÂN PHÒNG**

**Điều 4. Về tổ chức của Đội Dân phòng**

1. Đội Dân phòng được thành lập ở các xã trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, số lượng không quá 15 người.

2. Căn cứ vào tình hình thực tế về an ninh trật tự, hàng năm sau khi thống nhất với Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa (gọi tắt là UBND cấp huyện), Giám đốc Công an tỉnh báo cáo, đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định việc thành lập Đội Dân phòng ở từng địa phương.

3. Tổ chức, hoạt động của Đội Dân phòng do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý; Công an cấp xã hướng dẫn nghiệp vụ, công tác.

**Điều 5. Tiêu chuẩn tuyển dụng vào lực lượng dân phòng**

1. Là công dân Việt Nam có độ tuổi từ đủ 18 tuổi đến 45 tuổi, thường xuyên làm việc, sinh sống tại xã nơi tuyển dụng.

2. Có lý lịch rõ ràng, bản thân và gia đình chấp hành tốt các chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

3. Có sức khỏe, tự nguyện và có điều kiện tham gia công tác trong lực lượng dân phòng.

4. Có trình độ học vấn từ Trung học cơ sở (đối với các xã miền núi, vùng sâu, vùng xa trình độ học vấn từ tiểu học).

### **Điều 6. Hoạt động của Đội Dân phòng**

1. Đội Dân phòng chịu sự lãnh đạo toàn diện của Đảng uỷ cấp xã; sự quản lý điều hành Ủy ban nhân dân cấp xã; hướng dẫn nghiệp vụ của Công an cấp xã.

2. Đội Trưởng Dân phòng chịu trách nhiệm tổ chức điều hành mọi hoạt động của Đội Dân phòng theo quyền hạn, nhiệm vụ được giao, định kỳ báo cáo tình hình, kết quả công tác của Đội với Ủy ban nhân dân và Công an xã.

3. Đội phó Đội Dân phòng thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của Đội trưởng và điều hành mọi hoạt động của Đội Dân phòng khi Đội trưởng đi vắng hoặc được uỷ quyền;

4. Đội viên Đội Dân phòng chịu sự lãnh đạo, quản lý trực tiếp của Đội trưởng, Đội phó Đội Dân phòng; có trách nhiệm triển khai, thực hiện các nhiệm vụ kế hoạch công tác của Đội Dân phòng;

5. Đội Dân phòng quan hệ, phối hợp tích cực với các tổ chức, đoàn thể khác nhằm đảm bảo tốt về an ninh trật tự;

6. Hàng tháng Đội Dân phòng họp 1 lần (trừ trường hợp đột xuất) để kiểm điểm công tác trong tháng và bàn chương trình công tác tháng tới;

7. Trong khi làm nhiệm vụ Đội Dân phòng mặc trang phục dân phòng, bảng tên và mang theo giấy chứng nhận Dân phòng.

### **Điều 7. Nhiệm vụ, quyền hạn của Đội Dân phòng**

1. Thường trực và tham gia giải quyết các vụ việc có liên quan đến an ninh trật tự ở địa phương theo chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã.

2. Tổ chức bảo vệ hiện trường, cấp cứu người bị nạn trong các vụ án, tai nạn giao thông, tai nạn lao động, cháy, nổ.v.v...

3. Nắm tình hình an ninh trật tự, phối hợp bảo vệ an ninh trật tự các lễ, hội, hội nghị và phối hợp với lực lượng dân quân tuần tra bảo vệ an ninh trật tự trên địa bàn xã theo kế hoạch được phê duyệt của Chủ tịch UBND xã hoặc Trưởng Công an xã.

4. Tham gia phòng cháy, chữa cháy, phòng chống lụt, bão.

5. Tham mưu cho Công an xã về công tác bảo đảm an ninh trật tự.

6. Tham gia phòng chống các loại tội phạm, tệ nạn xã hội; xây dựng nếp sống văn minh, ấp, khu phố văn hóa, gia đình văn hoá.

7. Bắt người phạm tội quả tang, đối tượng có lệnh truy nã và dẫn giải các đối tượng này về trụ sở Ủy ban nhân dân xã hoặc trụ sở, nơi làm việc của Công an xã.

8. Tham gia với lực lượng Công an kiểm tra nhân hộ khẩu; tạm trú, tạm vắng khi có chỉ đạo của Trưởng Công an xã, thị trấn.

9. Phối hợp lực lượng dân quân tự vệ và các tổ chức khác ở địa phương thực hiện công tác tuyên truyền, vận động nhân dân nâng cao cảnh giác, phòng chống

tội phạm, phòng cháy, chữa cháy, giữ gìn an ninh trật tự ở địa phương và tham gia giải quyết các vụ việc theo chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã.

### **Điều 8. Đào tạo, huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ**

Giám đốc Công an tỉnh có chương trình, nội dung và hướng dẫn việc đào tạo, huấn luyện hoặc bồi dưỡng nghiệp vụ cho lực lượng dân phòng phù hợp với tình hình thực tế ở địa phương.

### **Điều 9. Chế độ chính sách của lực lượng dân phòng**

1. Lực lượng dân phòng được hưởng mức hỗ trợ hàng tháng do Ủy ban nhân dân xã chi trả, mức hỗ trợ cụ thể như sau:

- a) Đội Trưởng: Mức hỗ trợ bằng 0,5 lần mức lương tối thiểu.
- b) Đội phó: Mức hỗ trợ bằng 0,4 lần mức lương tối thiểu.
- c) Đội viên: Mức hỗ trợ bằng 0,3 lần mức lương tối thiểu.

2. Kinh phí chi cho việc thực hiện nhiệm vụ thường trực, tuần tra ban đêm của Đội Dân phòng hàng tháng được thực hiện từ nguồn ngân sách xã theo tỷ lệ từ 50% đến 100% trên tổng kinh phí hỗ trợ theo hệ số hàng tháng Đội Dân phòng, tùy khả năng ngân sách từng xã để ấn định tỷ lệ phần trăm (50%-100%) chi cho phù hợp.

3. Trong thời gian tập trung đào tạo, huấn luyện hoặc bồi dưỡng nghiệp vụ được hưởng chế độ bồi dưỡng bằng mức tiền ăn cơ bản của chiến sỹ phục vụ có thời hạn trong Công an nhân dân và được thanh toán một lần tiền xe đi và về.

4. Kinh phí chi mua văn phòng phẩm, điện, nước... hàng tháng bảo đảm bằng nguồn ngân sách xã, thị trấn theo tỷ lệ 2% đến 4% trên tổng kinh phí hỗ trợ theo hệ số hàng tháng Đội Dân phòng, tùy theo tình hình thực tế an ninh trật tự và khả năng thu ngân sách trên từng địa bàn xã để ấn định tỷ lệ phần trăm (2% - 4%) chi cho phù hợp.

5. Trong khi làm nhiệm vụ nếu bị thương hoặc hy sinh Chủ tịch UBND xã phối hợp các cơ quan, đơn vị có liên quan báo cáo đề xuất chủ tịch UBND huyện xem xét giải quyết từng trường hợp cụ thể.

### **Điều 10. Trang bị trang phục, phương tiện, công cụ hỗ trợ cho lực lượng Dân phòng**

#### **1. Trang bị trang phục**

Trang bị quần, áo đồng phục vải màu xanh, loại vải kaki, áo may kiểu Bluzon, mũ mềm, giày ba ta xanh, trên tay trái có gắn lô gô bằng vải màu đỏ in chữ "Dân phòng" màu vàng (riêng Đội trưởng, Đội phó có thêm chữ chức danh Đội trưởng, Đội phó trước chữ Dân phòng); hàng năm mỗi thành viên Đội Dân phòng được cấp 1 bộ quần áo, 1 mũ bảo hiểm, 1 áo mưa, 1 đôi giày ba ta.

#### **2. Cấp giấy chứng nhận, bảng tên**

- a) Mẫu giấy chứng nhận, bảng tên do Công an tỉnh quy định.
- b) Công an cấp huyện cấp giấy chứng nhận, bảng tên theo mẫu quy định của Công an tỉnh, hai năm làm lại một lần.

## 2. Trang bị công cụ hỗ trợ

Đội Dân phòng được trang bị gậy cao su, đèn pin và các công cụ hỗ trợ khác phục vụ yêu cầu công tác đảm bảo an ninh trật tự.

## 3. Nơi làm việc của dân phòng

Tùy theo khả năng và điều kiện cụ thể của từng địa phương, Ủy ban nhân dân xã bố trí nơi làm việc phù hợp cho Đội Dân phòng, có trang bị những đồ dùng cần thiết.

## 4. Nguồn kinh phí

a) Kinh phí bố trí nơi làm việc, trang thiết bị tại nơi làm việc được bảo đảm bằng nguồn ngân sách xã.

b) Kinh phí mua sắm trang bị trang phục, phương tiện, công cụ hỗ trợ, đèn pin và các công cụ hỗ trợ khác được đảm bảo từ nguồn ngân sách cấp huyện.

c) Kinh phí đào tạo, huấn luyện hoặc bồi dưỡng nghiệp vụ bao gồm: mua tài liệu, thuê hội trường, âm thanh, ánh sáng, nước uống, bồi dưỡng giáo viên được bảo đảm bằng ngân sách cấp huyện.

## Chương III

### TỔ CHỨC THỰC HIỆN

**Điều 12.** Các Sở, ban, ngành có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm hướng dẫn, tổ chức thực hiện.

**Điều 13.** Trong quá trình tổ chức, triển khai thực hiện nếu có phát sinh khó khăn, vướng mắc cần sửa đổi, bổ sung cho phù hợp, Giám đốc Công an tỉnh Đồng Nai chủ trì, phối hợp các Sở, ngành, đơn vị có liên quan báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH



Võ Văn Một